CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

…/2026/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: *11/02/2026*
2. Thời gian thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: *Nhiệt độ:* ; *Độ ẩm*:
4. Mục đích lấy mẫu: *Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .*
5. Lấy mẫu*: Nhân viên phòng chất lượng*
6. Vị trí lấy mẫu: *Sông Ngàn Sâu*
7. Địa chỉ: *Xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tĩnh.*
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	6.36	
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.5	-
3	TSS		µm/s	56.89	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.22	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	mg/l	0.3	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017	mg/l	0.005	-
7	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.004	-
9	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.02	-
10	Độ cứng ($CaCO_3$)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	6.54	

*Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lí Tây Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: 11/02/2026
7. Ngày thử nghiệm: 11/02 -14/02/2026 Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.17	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.31	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	44.85	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.38	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^-.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.4	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.006	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	0	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	6.72	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Tây Sơn- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:

- *M1: Hoàng Hữu Tín, T 1, Sơn Tây*
- *M2: Nguyễn Thị Thuỷ, T2, Sơn Tây*
- *M3: Nguyễn Thanh Nhàn, T4, Sơn Tây*

6. Ngày nhận mẫu: *11/02/2026*
7. Ngày thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.24	0.24	0.22	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.28	7.22	7.26	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	44.16	50.84	47.81	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.39	0.35	0.34	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^- .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.4	0.5	0.4	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3-B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.008	0.007	0.006	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	1	0	0	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.004	0.003	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng	5.76	6.5	6.4	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2026/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: *11/02/2026*
2. Thời gian thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: *Nhiệt độ:* ; *Độ ẩm:*
4. Mục đích lấy mẫu: *Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .*
5. Lấy mẫu: *Nhân viên phòng chất lượng*
6. Vị trí lấy mẫu: *Đập Dâng Ngàn Trươi*
7. Địa chỉ: *Xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh*
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	5.15	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.5	-
3	TSS		µm/s	38.92	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.16	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	mg/l	0.5	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017	mg/l	0.006	-
7	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.008	-
9	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.03	-
10	Độ cứng ($CaCO_3$)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	5.9	

*Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

…/2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu*: 2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lí Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *11/02/2026*
7. Ngày thử nghiệm: : *11/02-14/02/2026*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.18	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.3	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	49.91	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.45	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^-.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.4	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.006	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	1	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	6.6	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Vũ Quang -Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
   - *M1: Lê Thanh Tú, Thôn 4, Vũ Quang*
   - *M2: Trần Thị Thanh, T4, Vũ Quang*
   - *M3: Nguyễn Thị Hà, Tổ 3, Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *11/02/2026*
7. Ngày thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.23	0.24	0.26	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.34	7.36	7.36	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.84	48.97	48.50	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.53	0.81	0.45	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^- .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.03	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.5	0.5	0.5	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.006	0.006	0.007	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	1	1	1	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Độ cứng	6.44	6.52	6.66	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

11	Mangan tổng số (Mn)	0.005	0.008	0.006	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 19 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

…/2026/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: *11/02/2026*
2. Thời gian thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: *Nhiệt độ:* ; *Độ ẩm*:
4. Mục đích lấy mẫu: *Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .*
5. Lấy mẫu: *Nhân viên phòng chất lượng*
6. Vị trí lấy mẫu: *Sông Ngàn Phố*
7. Địa chỉ: *Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh*
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	11.6	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	7.58	-
3	TSS		µm/s	45.79	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.15	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500-NO3- B: 2017	mg/l	0.4	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017	mg/l	0.11	-
7	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.007	-
9	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.03	-
10	Độ cứng ($CaCO_3$)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	6.34	-

*Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

.../2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lí Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *11/2/2026*
7. Ngày thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.17	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.23	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	48.65	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.56	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^-.G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.5	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3- B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.007	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	1	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.003	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	6.52	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HÀ TĨNH
BỘ PHẬN QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
Địa chỉ: Số 01 Đường Nguyễn Hoành Từ, KP3, Phường Đại Nài, TP . Hà Tĩnh
SĐT: 19000278 ; Fax: 0239 3886 680 ; web: www.capnuochatinh.vn

…/2026/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Phố Châu- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu*: 2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:

- *M1: Trần Đặng Dung, T10, Hương Sơn*
- *M2: Lê Hoài Linh, T1, Sơn Giang*
- *M3: Trần Thị Nguyệt, T3, Hương Sơn*

6. Ngày nhận mẫu: *11/02/2026*
7. Ngày thử nghiệm: *11/02-14/02/2026*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.25	0.19	0.32	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	7.11	7.21	7.07	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.72	50.70	48.24	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.46	0.33	0.41	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl^- .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.03	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO_3^- - N)	0.5	0.6	0.5	mg/l	11	SMEWW 4500-NO3-B: 2017
8	Nitrit (NO_2^- - N)	0.007	0.005	0.006	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO_2^- B: 2017
9	Sunphat (SO_4^{2-})	1	1	1	mg/l	250	SMEWW 4500 $SO4^{2-}$ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.004	0.003	0.005	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng ($CaCO_3$)	6.46	6.56	6.44	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 02 năm 2026

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Ngọc Mỹ Linh